2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

[Các sông khác] Sông Makadokawa, Sông Kitsunegawa (thành phố Fuefuki), Sông Imosawagawa･Sông Asakawa, Sông Ooborigawa･Sông Kamatagawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Makadokawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

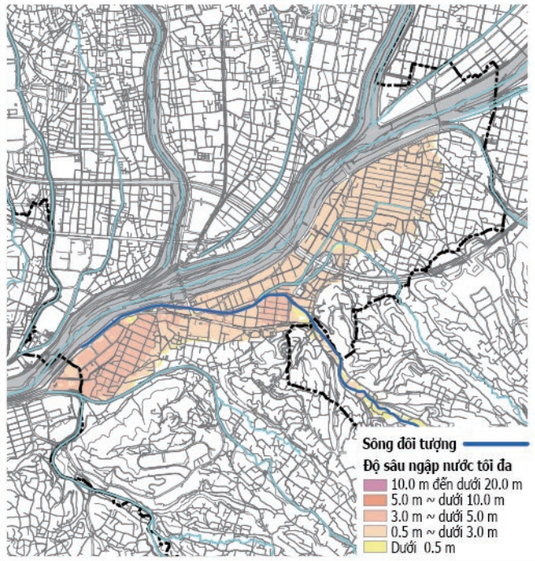

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Kitsunegawa (thành phố Fuefuki) (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024)
836mm/1 ngày

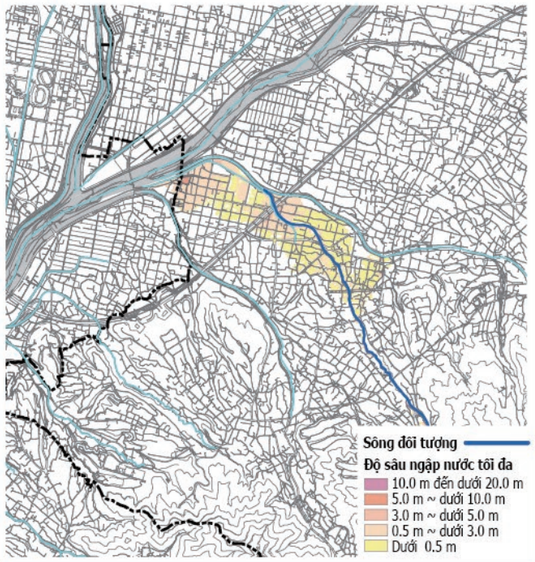

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Imosawagawa・sông Asakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Sông Imosawagawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày
Sông Asakawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024) 836mm/1 ngày

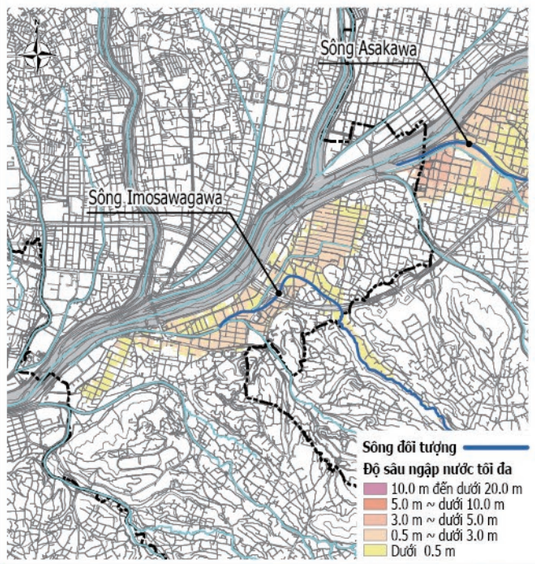

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Ooborigawa・sông Kamatagawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Sông Ooborigawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023) 836mm/1 ngày
Sông Kamatagawa: Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024) 836mm/1 ngày

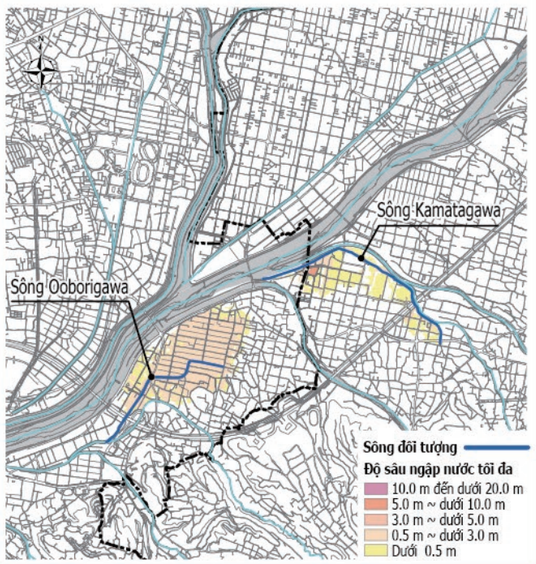

この地図の作成に当たっては、中央市長の承認を得て、中央市発行の縮尺1万分の1中央市全図を使用した。(承認番号　中央都第11-2号)
この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)
この地図の作成に当たっては、昭和町長の承認を得て、同町発行の10,000分の1図を使用したものである。(承認番号 令和3年11月2日　昭都第159号)

[Các sông khác] Sông Shibukawa, Sông Numakawa, Sông Hirusawagawa, Sông Gowarigawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Shibukawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
810mm/2 ngày

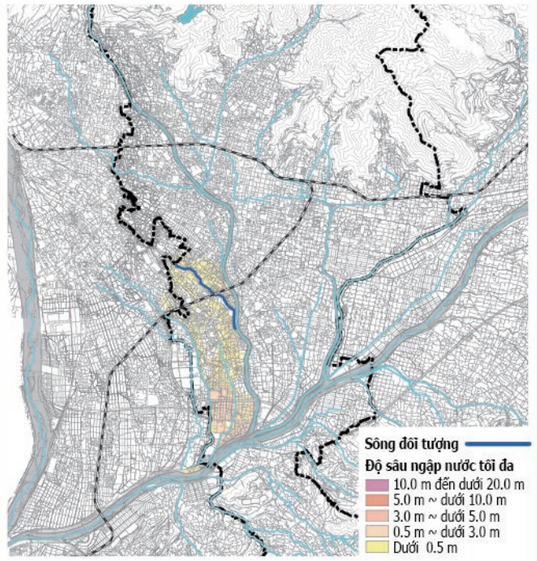

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Numakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
810mm/2 ngày

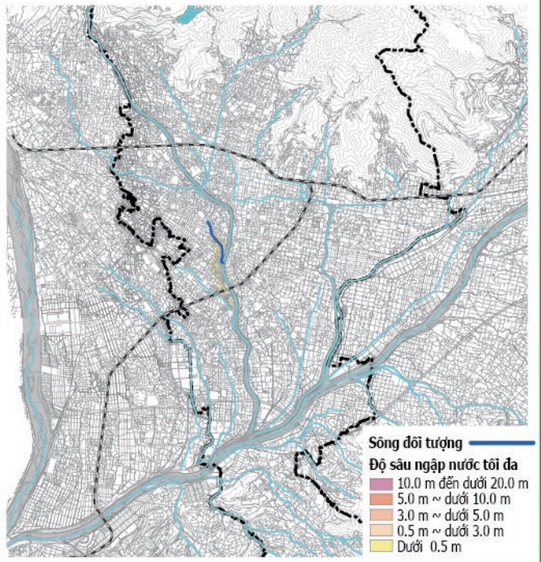

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Hirusawagawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

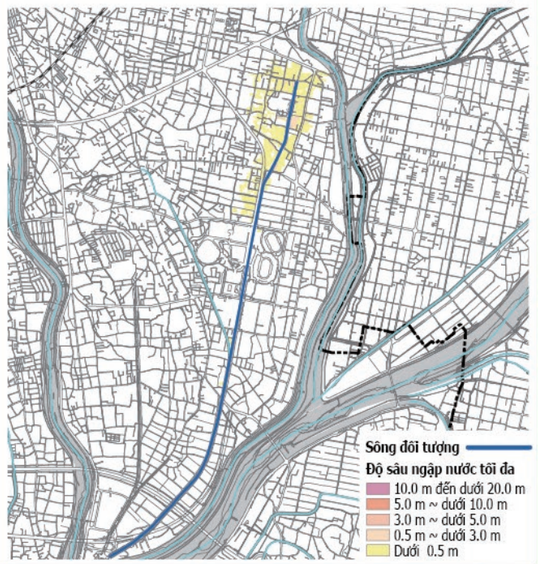

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Gowarigawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

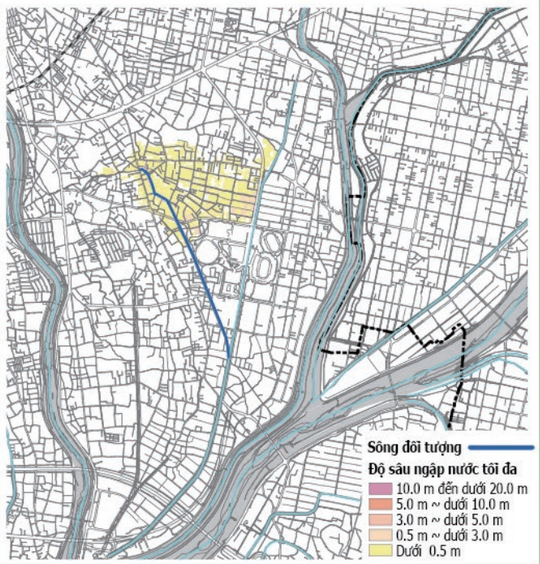

この地図は、甲斐市長の承認を得て同市発行の甲斐市都市計画基本図(縮尺1/2,500)を使用し、作成したものである。(甲斐都第10-70号)

2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

[Các sông khác] Sông Shibukawa (thị trấn Shirai), Sông Byodogawa (thượng lưu), Sông Dainibyodogawa, Sông Jurogawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Shibukawa (thị trấn Shirai) (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

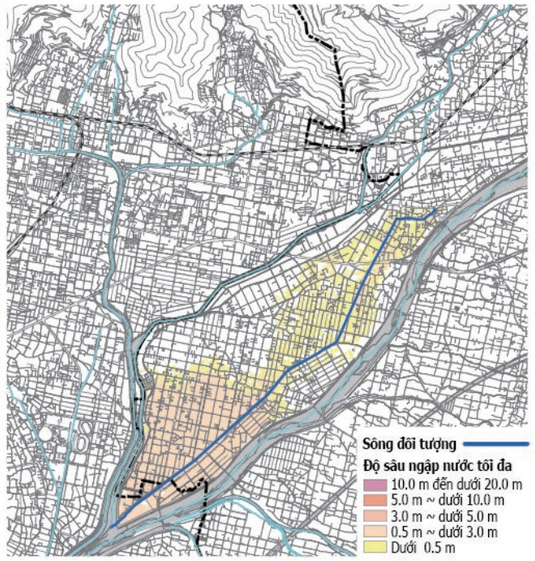

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Byodogawa (thượng lưu) (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024)
834mm/1 ngày

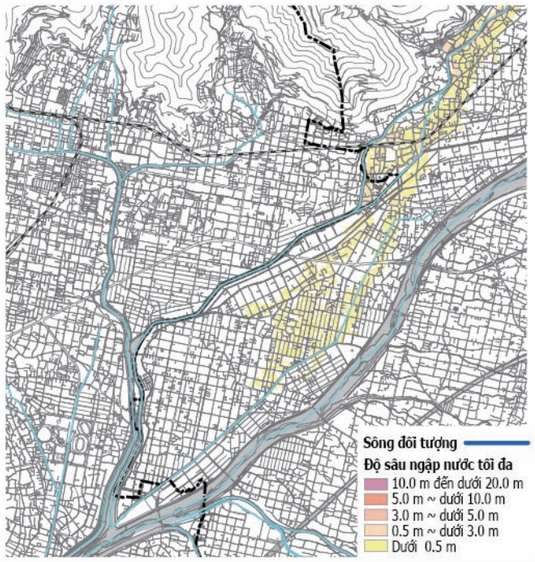

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Dainibyodogawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/07/2024)
834mm/1 ngày

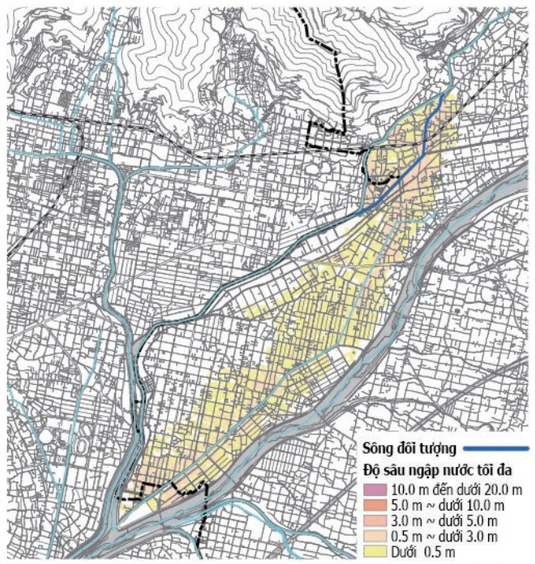

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Jurogawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

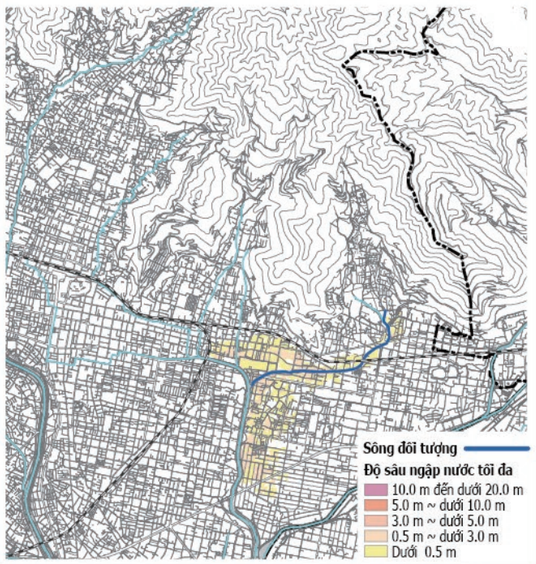

[Các sông khác] Sông Daiengawa･Sông Ooyamasawagawa, Sông Takakuragawa, Sông Fujikawa, Sông Aikawa (thượng lưu)

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Daiengawa・sông Ooyamasawagawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

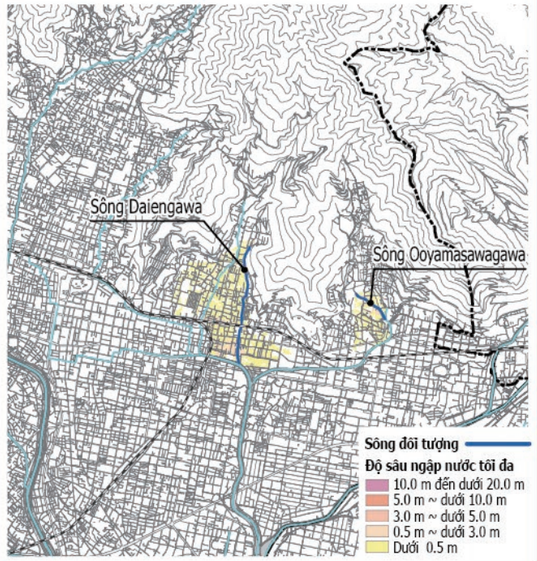

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Takakuragawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

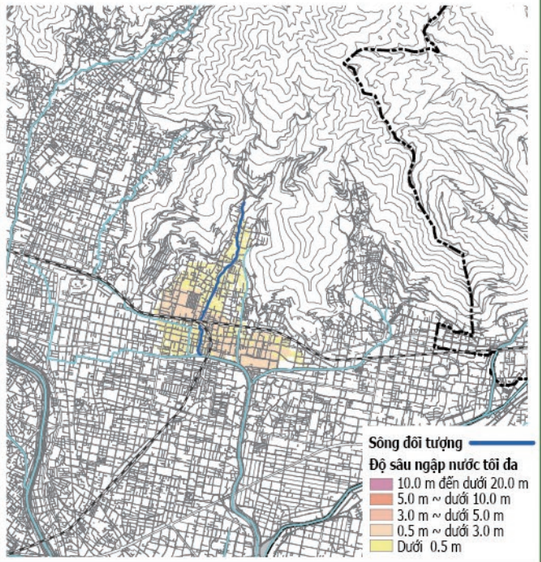

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Fujikawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
836mm/1 ngày

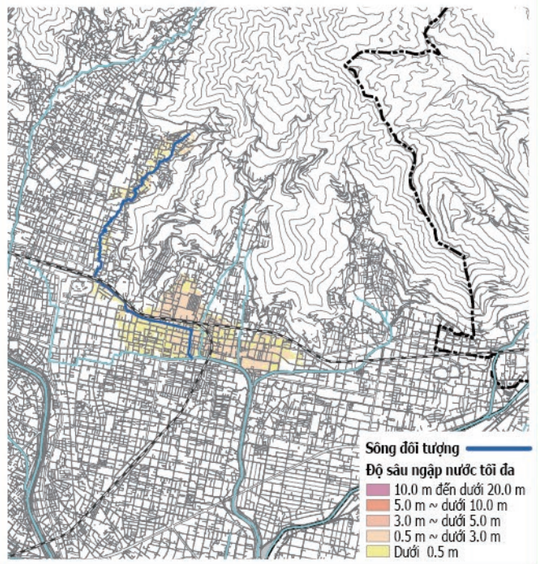

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Aikawa (thượng lưu) (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/03/2023)
810mm/2 ngày

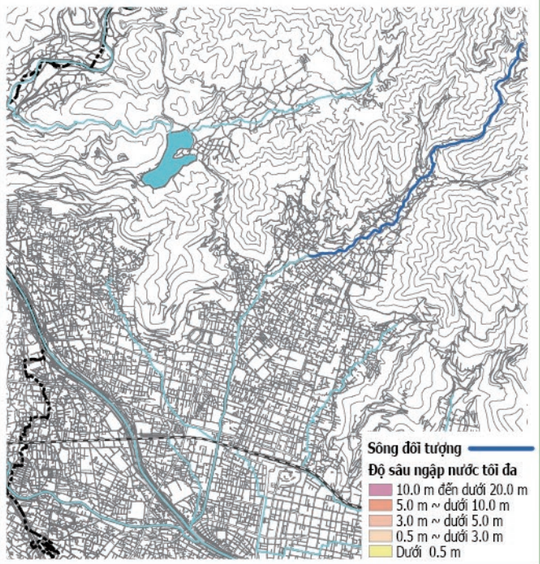

この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)
この地図は、甲斐市長の承認を得て同市発行の甲斐市都市計画基本図 (縮尺1/2,500) を使用し、作成したものである。(甲斐都第10-70号)

2-9.Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt theo từng con sông

[Các sông khác] Sông Yukawa, Koyukawa, Arakawa (thượng lưu)

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Yukawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/3/2023)
810mm/2 ngày

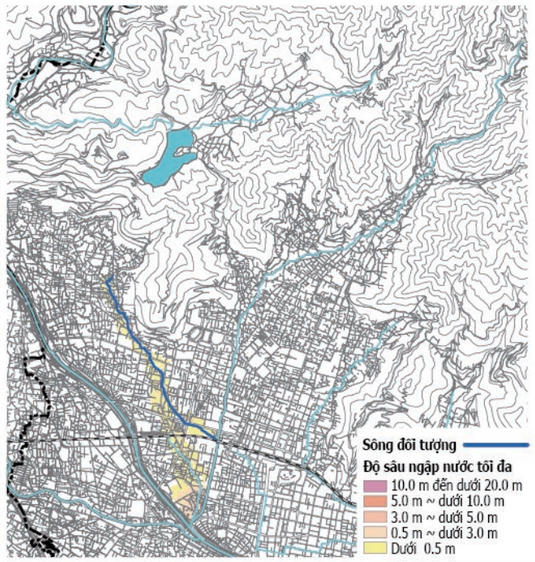

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Arakawa (thượng lưu) (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/3/2023)
810mm/2 ngày

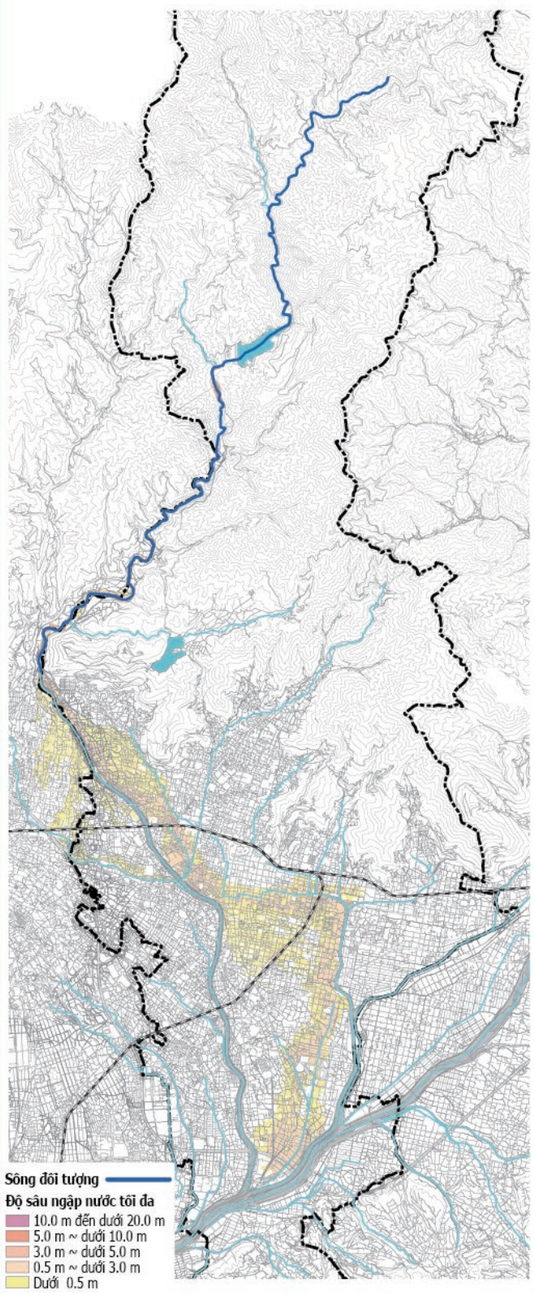

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Koyukawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/3/2023)
810mm/2 ngày

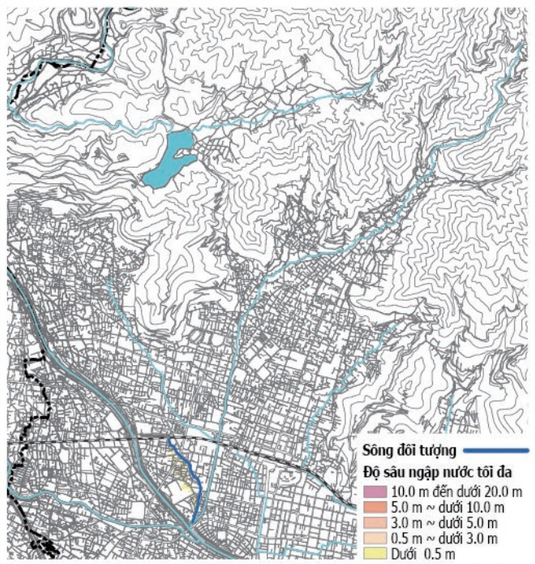

この地図の作成に当たっては、中央市長の承認を得て、中央市発行の縮尺1万分の1中央市全図を使用した。(承認番号　中央都第11-2号)
この地図は、笛吹市長の承認を得て同市発行の縮尺10,000分の1の都市計画基本図を使用し、作成したものである。(令和3年11月4日 笛まち第11-2号)
この地図の作成に当たっては、昭和町長の承認を得て、同町発行の10,000分の1図を使用したものである。(承認番号 令和3年11月2日　昭都第159号)

[Các sông khác] Sông Obinagawa, sông Mitakegawa, sông Samusawakawa

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Obinagawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 23/3/2023)
810mm/2 ngày

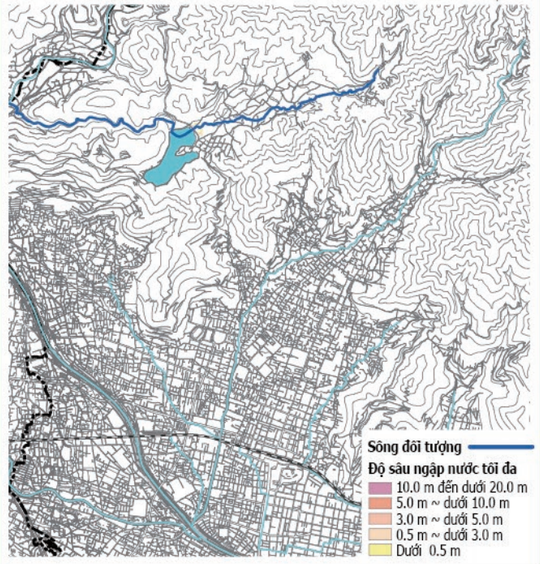

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Mitakegawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/7/2024)
810mm/1 ngày

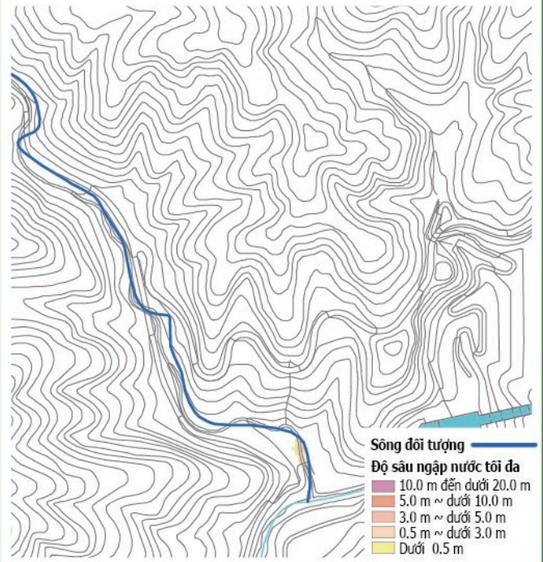

Bản đồ khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ sông Samusawakawa (quy mô lũ lớn nhất có thể xảy ra)

Tỉnh Yamanashi (công bố ngày 29/7/2024)
810mm/1 ngày

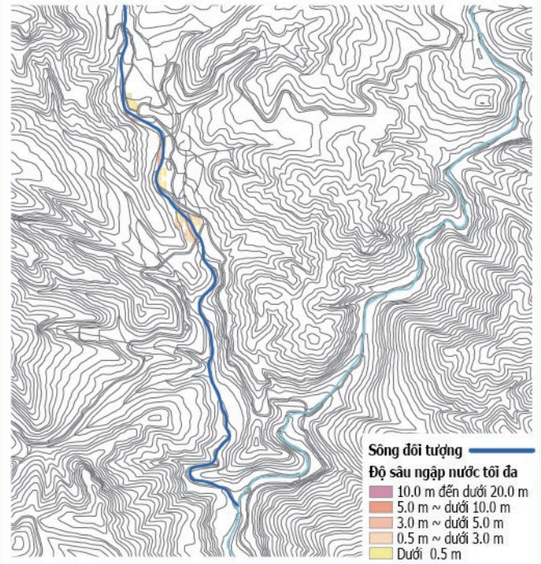

Trong số các sông khác, 13 con sông dưới đây theo kết quả khảo sát không có khu vực có nguy cơ ngập lụt do lũ.

Sông Higashizawagawa (Thị trấn Kamisekisuiji)
Sông Nishizawagawa (Thị trấn Kamisekisuiji)
Sông Shirasawagawa (Thị trấn Kamisekisuiji)
Sông Horagawa (Thị trấn Kamisekisuiji)
Sông Koyasawakawa (Thị trấn Kurobera)
Sông Denengawa (Thị trấn Ubaguchi)
Sông Furuyadogawa (Thị trấn Ubaguchi)
Sông Sakaikawa (Thị trấn Kakehashi)
Sông Kumaanazawakawa (Thị trấn Kakehashi)
Sông Inosawakawa (Thị trấn Kakehashi, Thị trấn Furuseki)
Sông Otakekawa (Thị trấn Furuseki)
Sông Takidokawa (Thượng lưu) (Thượng lưu cầu Nakabata)
Sông Shinhorikawa (Thị trấn Shirai)

この地図は、甲斐市長の承認を得て同市発行の甲斐市都市計画基本図(縮尺1/2,500)を使用し、作成したものである。(甲斐都第10-70号)